

Số: 03 /2010 /QĐ-UBND

Đồng Xoài, ngày 28 tháng 01 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về hỗ trợ cấp mai táng phí đối với cán bộ, công chức,
viên chức nhà nước, đảng, đoàn thể, cán bộ hưu trí, mất sức và
đối tượng chính sách khi từ trần.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 62/2001/NĐ-CP ngày 12/9/2001 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức lễ tang đối với cán bộ, công chức, viên chức nhà nước khi từ trần;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2009/NQ-HĐND ngày 14/12/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII, kỳ họp thứ 17 Quy định về hỗ trợ mai táng phí cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, đảng, đoàn thể, và các đối tượng chính sách khi từ trần;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 22/TTr-SLĐTBXH ngày 12/01/2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hỗ trợ mai táng phí cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, đảng, đoàn thể, cán bộ hưu trí, mất sức lao động và các đối tượng chính sách khi từ trần.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 06/2006/QĐ-UBND ngày 13/01/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về trợ cấp mai táng phí cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, đảng, đoàn thể và đối tượng hưởng chính sách, người có công, chính sách bảo hiểm xã hội khi từ trần.

Điều 3. Các ông/bà Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp, LĐTB&XH;
- TTTU, TTHĐND, UBM TTQVN tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở TP,;
- Như Điều 3;
- LĐVP, TTCB, TTTH, các Phòng: VX, TH;
- Lưu: VT(qd007-10).



QUY ĐỊNH

về hỗ trợ mai táng phí cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, đảng, đoàn thể, cán bộ hưu trí, mất sức lao động và các đối tượng chính sách khi từ trần.

(Ban hành kèm theo Quyết định số : 03 /2010/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Quy định về đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn hỗ trợ các khoản kinh phí lễ viếng và trợ cấp mai táng phí cho cán bộ, công chức, viên chức đang đương chức, đã thôi chức hoặc đã nghỉ hưu, mất sức lao động và đối tượng chính sách người có công với cách mạng có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Việc tổ chức lễ tang đối với cán bộ, công chức, viên chức nhà nước khi từ trần cần được tổ chức trang trọng, tiết kiệm, phù hợp với truyền thống của dân tộc và nếp sống văn minh nơi cư trú theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 3. Kinh phí hỗ trợ mai táng phí theo Quy định này được thực hiện bằng nguồn ngân sách tỉnh ngoài mức mai táng phí theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội.

**Chương II
QUY ĐỊNH VỀ MỨC HỖ TRỢ VÀ ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ MAI
TÁNG PHÍ KHI TỪ TRẦN**

Điều 4. Mức hỗ trợ mai táng phí 30.000.000 đồng và tổ chức lễ tang cấp cao theo quy định của Trung ương áp dụng đối với lãnh đạo của tỉnh thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng quản lý, gồm các đồng chí: Bí thư Tỉnh ủy, Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng; Phó Bí thư Tỉnh ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; các đồng chí là cán bộ cấp cao của Trung ương đã nghỉ hưu và đang cư trú tại tỉnh Bình Phước; cán bộ Quân đội, Công an có cấp hàm từ Thiếu tướng trở lên; các nhà hoạt động xã hội, văn hóa, khoa học tiêu biểu được tặng Huân chương Độc lập hạng nhất trở lên đang công tác hoặc đã nghỉ hưu tại tỉnh Bình Phước.

Điều 5. Mức hỗ trợ mai táng phí 15.000.000 đồng áp dụng đối với lãnh đạo cấp tỉnh đang đương chức, đã thôi chức hoặc đã nghỉ hưu gồm các đồng chí: Ủy viên Ban thường vụ Tỉnh ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh; cán bộ hoạt động cách mạng từ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng Lao động trong kháng chiến.

Điều 6. Mức hỗ trợ mai táng phí 10.000.000 đồng áp dụng đối với cán bộ lãnh đạo cơ quan, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh và cán bộ lãnh đạo huyện, thị xã hoặc tương đương đang đương chức, thôi chức, đã nghỉ hưu gồm các đồng chí:

a) Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh; Trưởng các Ban Đảng của Tỉnh ủy; Ủy viên thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; Chánh Văn phòng Tỉnh ủy; Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương; Bí thư Đảng ủy Khối dân chính Đảng, Bí thư Đảng ủy Khối doanh nghiệp;

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc do tỉnh bổ nhiệm ở các doanh nghiệp có vốn nhà nước chi phối được xếp hạng 1, hạng 2 hoặc hạng đặc biệt; thầy thuốc nhân dân, nhà giáo nhân dân, nghệ sĩ nhân dân; đảng viên 50 năm tuổi Đảng trở lên; sĩ quan Quân đội nhân dân, sĩ quan Công an nhân dân có cấp hàm từ thượng tá, đại tá.

c) Bí thư, Phó Bí thư huyện ủy, thị ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã;

Điều 7. Mức hỗ trợ mai táng phí 7.000.000 đồng áp dụng đối với cán bộ là cấp phó các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể tỉnh hoặc tương đương đang đương chức, thôi chức, đã nghỉ hưu gồm các đồng chí:

a) Phó trưởng các Ban Đảng của Tỉnh ủy; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy; Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; phó trưởng của các sở, ban, ngành và đoàn thể cấp tỉnh; Đại biểu đương nhiệm Hội đồng nhân dân tỉnh; Phó Bí thư Đảng ủy Khối dân chính Đảng, Phó Bí thư Đảng ủy Khối doanh nghiệp;

b) Ủy viên Ban Thường vụ huyện ủy, thị ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, thị xã;

c) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh hạng 1/4; bệnh binh hạng 1/3; thân nhân chủ yếu của 02 liệt sĩ trở lên đang hưởng trợ cấp hàng tháng.

Điều 8. Mức hỗ trợ mai táng phí 5.000.000 đồng áp dụng đối với cán bộ là Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng các huyện, thị xã và lãnh đạo cấp xã, phường, thị trấn hoặc tương đương đang đương chức, thôi chức, đã nghỉ hưu gồm các đồng chí:

a) Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng trực thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;

b) Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng các phòng, ban, đoàn thể cấp huyện, thị xã có phụ cấp chức vụ từ 0,2; 0,3; 0,5 và cán bộ có hệ số lương từ 5,76 trở lên; sĩ quan Quân đội nhân dân, sĩ quan Công an nhân dân có cấp hàm thiếu tá, trung tá;

c) Bí thư Đảng ủy, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch; Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn;

d) Đại biểu đương nhiệm Hội đồng nhân dân huyện, thị xã.

Điều 9. Mức hỗ trợ mai táng phí 3.500.000 đồng áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, đảng, đoàn thể, cán bộ thuộc ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh có hưởng lương từ ngân sách nhà nước, đang đương chức, thôi chức và cán bộ hưu trí, mất sức lao động, đối tượng có công cách mạng gồm các đồng chí:

a) Cán bộ, công chức, viên chức nhà nước đang công tác ở các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện, thị xã; cán bộ, chiến sĩ thuộc các cơ quan Công an, Quân sự, các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, huyện, thị xã; công chức cấp xã, phường, thị trấn, cán bộ chuyên trách, không chuyên trách và đại biểu đương nhiệm Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn;

b) Các cán bộ hưu trí, mất sức lao động đang hưởng trợ cấp hàng tháng tại tỉnh; các đối tượng có công với cách mạng bao gồm: thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, thân nhân chủ yếu của 01 liệt sĩ đang

hưởng trợ cấp hàng tháng, người có công giúp đỡ cách mạng; người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc; người hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày; thanh niên xung phong đã hưởng trợ cấp một lần; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người đã hưởng trợ cấp một lần theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ, cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước; Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ và người hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ, cứu nước có dưới 20 năm công tác trong Quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương; đối tượng người già cô đơn và trẻ mồ côi đang nuôi dưỡng tại các cơ sở xã hội của tỉnh.

Điều 10. Các đối tượng quy định tại Chương 2, từ Điều 4 đến Điều 9 có giữ nhiều chức vụ khác nhau thì chỉ được hỗ trợ một mức cao nhất.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ KINH PHÍ, TỔ CHỨC VÀ ĐỐI TƯỢNG VIẾNG.

Điều 11. Kinh phí viếng lễ tang của các đoàn là lãnh đạo các cấp viếng như sau:

- Đoàn lãnh đạo tỉnh viếng: 1.500.000 đồng.
- Đoàn lãnh đạo huyện, thị xã viếng: 1.000.000 đồng.
- Đoàn lãnh đạo xã, phường, thị trấn viếng: 500.000 đồng.

(kinh phí viếng của các đoàn dùng để mua nhang, đèn, trái cây và tiền cúng diếu)

Điều 12. Quy định về đối tượng được viếng.

1. Đoàn của tỉnh viếng bao gồm:

- Các đối tượng quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6; và khoản a, Điều 7;
- Các thân nhân của đối tượng quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 gồm: cha mẹ ruột, cha mẹ bên chồng(vợ), và vợ(chồng) khi từ trần.

2. Đoàn của huyện, thị xã viếng bao gồm:

- Các đối tượng quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6; Điều 7; khoản b, khoản c, khoản d của Điều 8 khi từ trần;

- Các thân nhân của đối tượng quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 và khoản b, Điều 8 gồm: cha mẹ ruột, cha mẹ bên chồng(vợ), và vợ(chồng) khi từ trần

3. Đoàn của xã, phường, thị trấn viếng bao gồm:

- Các đối tượng quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 mà người đó đang cư trú hoặc tổ chức lễ tang trên địa bàn hành chính thuộc cấp xã, phường, thị trấn quản lý;

Điều 13. Ngoài quy định tại Điều 12 trên đây, các đơn vị có nhu cầu viếng thực hiện như sau:

- Đối với lãnh đạo các sở, ban, ngành và đoàn thể cấp tỉnh có nhu cầu viếng những đối tượng theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, do thủ trưởng đơn vị đó quyết định tổ chức viếng; kinh phí viếng không vượt quá 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) từ nguồn hoạt động của đơn vị.

- Đối với lãnh đạo các phòng, ban, ngành và đoàn thể cấp huyện, thị xã có nhu cầu viếng những đối tượng theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, do thủ trưởng đơn vị đó quyết định tổ chức viếng và kinh phí viếng không vượt quá 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) từ nguồn hoạt động của đơn vị.

Điều 14. Quy định về Ban tổ chức Lễ tang và Đoàn viếng.

1. Đối với cấp tỉnh:

- Ban tổ chức lễ tang và Đoàn của tỉnh viếng gồm: Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình, Thủ trưởng cơ quan của người từ trần, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh tỉnh, lãnh đạo cấp ủy và UBND huyện, thị xã nơi tổ chức lễ tang và một số ban, ngành, đoàn thể khác do trưởng đoàn quyết định.

- Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu thành lập Ban lễ tang, chuẩn bị nội dung, tổ chức đoàn viếng và quyết toán kinh phí viếng lễ tang theo quy định tại Điều 11 Quy định này.

2. Đối với cấp huyện, thị xã:

- Ban tổ chức lễ tang và Đoàn của huyện, thị xã viếng gồm: Thường trực huyện ủy, thị ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, thị xã, Ban Tổ chức huyện ủy, thị ủy, Phòng Nội vụ, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, và một số ban, ngành, đoàn thể cấp huyện, thị xã do trưởng đoàn quyết định.

- Giao Ban Tổ chức huyện ủy, thị ủy tham mưu thành lập Ban lễ tang, chuẩn bị nội dung, tổ chức đoàn viếng và quyết toán kinh phí viếng lễ tang theo quy định tại Điều 11 Quy định này với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thị xã;

3. Đối với cấp xã, phường, thị trấn:

- Ban tổ chức lễ tang và Đoàn của xã, phường, thị trấn viếng gồm: Đại diện cấp ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn, Ban Tư pháp, Ban Văn hóa Xã hội, và các đoàn thể;

- Giao Ban Văn hóa Xã hội tham mưu thành lập Ban lễ tang, chuẩn bị nội dung, tổ chức đoàn viếng và quyết toán kinh phí viếng lễ tang theo quy định tại Điều 11 Quy định này với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thị xã;

Chương IV

QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC VÀ CẤP PHÁT KINH PHÍ HỖ TRỢ MAI TÁNG PHÍ

Điều 15. Thủ tục về hồ trợ mai táng phí.

a) Tờ khai của thân nhân người từ trần có xác nhận của xã, phường, thị trấn (theo mẫu số 1);

b) Giấy xác nhận của cơ quan quản lý người từ trần, đối với người có công cách mạng thì Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội xác nhận, đối với cán bộ hưu trí, mất sức lao động đang hưởng trợ cấp hàng tháng thì Bảo hiểm xã hội huyện, thị xã có trách nhiệm xác nhận (theo mẫu số 2);

c) Giấy chứng tử của người từ trần;

d) Quyết định trợ cấp mai táng phí của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã;

Điều 16. Phân cấp giải quyết và quyết toán:

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện, thị xã ra quyết định hưởng trợ cấp mai táng phí đối với các trường hợp người từ trần có hộ khẩu thường trú trên địa bàn quản lý, tổ chức cấp phát tiền hỗ trợ mai táng phí cho thân nhân người từ trần và quyết toán với Phòng Tài chính- Kế hoạch;

- Hàng năm, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng dự toán trình cơ quan Tài chính cùng cấp thẩm định, để bố trí dự toán ngân sách thực hiện.

Chương V

QUY ĐỊNH VỀ ĐƯA TIN BUỒN VÀ NƠI AN TÁNG

Điều 17. Quy định về đưa tin buồn.

1. Đối tượng quy định tại Điều 4, 5, 6 và các đồng chí thuộc diện Ban Tổ chức Tỉnh ủy quản lý được Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh đưa tin buồn trên Báo Bình Phước và Đài Phát thanh và Truyền hình về tiểu sử bản thân, thời gian và nghi thức tổ chức lễ tang, lễ viếng;

2. Riêng cán bộ hoạt động cách mạng từ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945; Anh hùng LLVT; Anh hùng Lao động; Nghệ sĩ nhân dân; Thầy thuốc nhân

dân; nhà giáo nhân dân được tin buồn trên trang 8 của Báo Nhân dân theo quy định tại Điều 41, Nghị định số 62/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2001 của Chính phủ.

Điều 18. Quy định nơi an táng

1. Các đối tượng quy định tại Điều 4, 5, 6 và các đồng chí thuộc diện Ban Tổ chức Tỉnh ủy quản lý được an táng vào khu vực từ trần của các nghĩa trang liệt sĩ trong tỉnh (đối với các nghĩa trang liệt sĩ có khu vực từ trần riêng), nếu thân nhân của người từ trần có nguyện vọng an táng tại nghĩa trang nhân dân khác hoặc hỏa táng thì thực hiện theo nguyện vọng của gia đình;

2. Riêng các đối tượng quy định tại Điều 7, 8, 9 an táng tại nghĩa trang nhân dân của địa phương, hoặc nghĩa trang nhân dân khác, hoặc hỏa táng theo nguyện vọng của thân nhân người từ trần.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy chịu trách nhiệm tham mưu cho Thường trực Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh thành lập Ban tổ chức lễ tang đối với các đồng chí từ trần được thành lập Ban Tổ chức lễ tang cấp tỉnh.

Điều 20. Trưởng Ban Tổ chức huyện ủy, thị ủy chịu trách nhiệm tham mưu cho Thường trực huyện ủy, thị ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, thị xã thành lập Ban tổ chức lễ tang đối với các đồng chí được thành lập Ban Tổ chức lễ tang cấp huyện, thị xã.

Điều 21. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Nội vụ chịu trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy định này thuộc phạm vi chức năng ngành mình quản lý.

Điều 22. Hàng năm, Sở Tài chính dành một phần kinh phí ngân sách để đảm bảo thực hiện các khoản chi theo Quy định này.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

Về việc đề nghị trợ cấp mai táng phí

1/ Phần khai về người từ trần :

Họ và tên (người từ trần) :.....

Sinh năm :.....; đã từ trần ngàytháng.....năm.....

Quê quán :

Nơi đăng ký hộ khẩu trước khi từ trần:.....

Cơ quan quản lý trước khi từ trần:

(Nếu là cán bộ hưu trí, mất sức thì thuộc cơ quan bảo hiểm xã hội quản lý, nếu là đối tượng chính sách người có công thì thuộc cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý).

2/ Phần khai về thân nhân của người từ trần:

Họ và tên thân nhân :.....Năm sinh.....

Nguyên quán:.....

Trú quán:.....

Quan hệ với người từ trần :

Xác nhận của UBND xã (phường)
nội dung đã kê khai trên và chữ ký của
ông (bà) là đúng
....., ngày.... tháng... năm.....

TM.UBND

Chủ tịch

Người khai
(ký tên, ghi rõ họ tên)

..... CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NẬN

Dùng để giải quyết trợ cấp mai táng phí cho người từ trần

Căn cứ vào Quyết định số: /2009/QĐ-UBND ngày tháng năm 2009
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước;

Căn cứ vào danh sách đang quản lý tại:
.....;

XÁC NHẬN:

Ông, bà: Sinh năm :

Quê quán :

Nơi đăng ký hộ khẩu trước khi từ trần:

Đã công tác tại cơ quan/hoặc cơ quan quản lý :

Cấp bậc, chức vụ:

(Nếu là cán bộ hưu trí, mất sức thì thuộc cơ quan bảo hiểm xã hội quản lý, nếu là đối tượng
chính sách người có công thì thuộc cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý).

Đã từ trần ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG
(ký tên, đóng dấu)